

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **67/2023/HNGĐ-ST**
Ngày 16/8/2023
V/v: “Ly hôn, tranh chấp nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH KIÊN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trịnh Thị Cẩm Linh.
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Duy Khương, bà Nguyễn Hải Anh
- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Như Ngọc, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang.
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành tham gia phiên tòa: Ông Lâm Sển – Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 8 năm 2023 tại Tòa án nhân dân huyện Châu Thành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 502/2022/TLST - HNGĐ ngày 01/11/2022 về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 61/2023/QĐXXST - HN ngày 07/7/2023, giữa các đương sự:

1/ Nguyên đơn: Chị **Danh Thị Kim B**, sinh năm 1998. Địa chỉ: **Ấp M, xã M, huyện C, tỉnh Kiên Giang** (Có mặt)

2/ Bị đơn: Anh **Lý C**, sinh năm 1990. Địa chỉ: **Ấp B, xã M, huyện C, tỉnh Kiên Giang**. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo nội dung đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị **Danh Thị Kim B** trình bày và yêu cầu như sau:

- Về hôn nhân: Chị và anh **C** chung sống với nhau từ năm 2013. Cả hai quen biết nhau được vài tháng sau đó cả hai tự nguyện tiến tới hôn nhân. Anh chị được hai bên gia đình tổ chức đám cưới theo phong tục tập quán của địa phương, có thực hiện việc đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã **M, huyện C, tỉnh Kiên Giang** cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 07/6/2016.

Trong quá trình chung sống, chị và anh **C** luôn bất đồng quan điểm nên thường xảy ra mâu thuẫn do anh chị không có tiếng nói chung, mỗi lần cự cãi thì anh **C** đánh đập chị, cuộc sống hôn nhân giữa anh chị không có hạnh phúc. Ngoài ra, anh **C** còn thường xuyên ghen tuông vô cớ rồi kiếm chuyện đánh chị, sự việc

được 02 bên gia đình khuyên ngăn nhưng anh C không thay đổi nên chị và anh C đã ly thân từ năm 2021 đến nay không hàn gắn được.

Do xét thấy, tình cảm vợ chồng không còn nữa do mâu thuẫn giữa anh chị ngày càng trầm trọng nên chị khởi kiện yêu cầu được ly hôn với anh C.

- Về con chung: Chị và anh C có 02 con chung là Lý Gia B1 (sinh ngày 27/7/2014) và Lý Bảo D (sinh ngày 28/11/2016) từ khi anh chị ly thân đến nay 02 cháu chung sống với anh C. Do đó, khi ly hôn chị Kim B đồng ý giao 02 cháu cho anh C tiếp tục nuôi dưỡng.

- Về tài sản chung và nợ chung: Chị Kim B xác nhận, trong quá trình chung sống chị và anh C không có phát sinh tài sản chung và cũng không có nợ chung nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn anh Lý C không có lời trình bày.

* Tại phiên tòa:

- Chị Kim B: Yêu cầu được ly hôn với anh C; đồng ý giao 02 con cho anh C tiếp tục nuôi dưỡng; tài sản chung và nợ chung không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Anh C: Vắng mặt.

- Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án và người tham gia tố tụng: Đã thực hiện đúng quy định của pháp luật.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị HĐXX áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, khoản 3 Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, cho chị Kim B được ly hôn với anh C, giao 02 con chung cho anh C tiếp tục nuôi dưỡng, tài sản và nợ không có yêu cầu nên không xem xét và buộc chị Kim B chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử (gọi tắt là HĐXX) nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn chị Danh Thị Kim B khởi kiện yêu cầu được ly hôn với anh Lý C là tranh chấp dân sự về hôn nhân và gia đình. Qua yêu cầu của đương sự trong vụ án được xác định mối quan hệ pháp luật là “Ly hôn, tranh chấp nuôi con”.

Khi nguyên đơn khởi kiện được Tòa án thụ lý vụ án giải quyết thì bị đơn đang cư trú và sinh sống tại ấp B, xã M, huyện C, tỉnh Kiên Giang nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang theo

quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Xét thấy, anh **C** vắng mặt lần 2 không có lý do nên HĐXX căn cứ khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 tiến hành xét xử vắng mặt anh **C**.

[2] *Về quan hệ hôn nhân*: Chị **Kim B** và anh **C** chung sống với nhau từ năm 2013, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã **M** và được cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 07/6/2016 theo đúng quy định của pháp luật nên quan hệ hôn nhân của anh chị là hợp pháp.

Xét yêu cầu của chị **Kim B** về việc ly hôn với anh **C**, chị **Kim B** cho rằng trong thời gian chung sống chị và anh **C** thường xuyên bất đồng quan điểm với nhau, mâu thuẫn kéo dài không thể hàn gắn được nên anh chị đã ly thân với nhau từ năm 2021 đến nay.

Tòa án đã tiến hành hòa giải nhằm động viên anh chị trở về chung sống, tiếp tục xây dựng hạnh phúc gia đình nhưng chị **Kim B** cương quyết ly hôn. Đồng thời, việc anh chị ly thân từ năm 2021 đến nay nhưng anh chị không tới lui để quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau là đã vi phạm quyền và nghĩa vụ của vợ chồng làm cho hôn nhân của anh chị lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Trong quá trình hòa giải anh **C** không có lời trình bày và tại phiên tòa anh **C** vắng mặt nên Tòa án không thể xem xét ý kiến của anh **C** đối với yêu cầu của chị **Kim B**. Do đó, HĐXX căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu của chị **Kim B**, cho chị **Kim B** được ly hôn với anh **C**.

[3] *Về quan hệ con chung*: Chị **Kim B** xác nhận, anh chị có 02 con chung hiện nay đang sống cùng anh **C**. Nay ly hôn, chị **Kim B** đồng ý giao 02 cháu **Gia B1** và **Bảo D** cho anh **C** tiếp tục nuôi dưỡng.

HĐXX xét thấy, việc chị **Kim B** đồng ý giao 02 cháu **Gia B1** và **Bảo D** cho anh **C** tiếp tục nuôi dưỡng là sự tự nguyện, cũng phù hợp với nguyện vọng của 02 cháu nên HĐXX chấp nhận.

[4] *Về tài sản chung và nợ chung*: Trong quá trình giải quyết, chị **Kim B** xác định, không có tranh chấp nên HĐXX không xem xét.

[5] *Về án phí dân sự sơ thẩm (Hôn nhân và gia đình)*: Buộc chị **Kim B** phải chịu án phí với số tiền là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 27 Nghị quyết

số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. *Về quan hệ hôn nhân*: Cho chị **Danh Thị Kim B** được ly hôn với anh **Lý C**.

2. *Về con chung*: Tiếp tục giao **Lý Gia B1** (sinh ngày 27/7/2014) và **Lý Bảo D** (sinh ngày 28/11/2016) cho anh **C** trực tiếp, trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Anh **C** có quyền yêu cầu chị **Kim B** cấp dưỡng nuôi con theo quy định.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con, không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

3. *Về án phí dân sự sơ thẩm (Hôn nhân và gia đình)*: Buộc chị **Danh Thị Kim B** chịu án phí là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí mà chị đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo lai thu số 0009703 ngày 04/10/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang nên chị **Kim Ba k** phải nộp thêm.

4. *Quyền kháng cáo*: Chị **Kim B** có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn là 15 ngày kể từ ngày tuyên án (Ngày 16/8/2023).

Anh **C** vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Châu Thành;
- TAND tỉnh KG;
- UBND xã Minh Hòa;
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Trịnh Thị Cẩm Linh